

Số: /GPMT-BQL

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng; Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1296/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung và các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và giải trình, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất thực phẩm ăn liền” tại Công văn số 1212/24/CV-AC ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Ươm tạo.



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng địa chỉ tại đường số 5B (Cụm công nghiệp Thanh Vinh cũ), Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất thực phẩm ăn liền” với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất thực phẩm ăn liền

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 5B (Cụm công nghiệp Thanh Vinh cũ), Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư: Số 32221000237 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Đà Nẵng (nay là Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng) cấp chứng nhận ngày 18 tháng 7 năm 2012.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0401497325 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 5 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 9 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 0401497325

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thực phẩm ăn liền (mì gói, cháo gói)

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích sử dụng đất: 29.754m<sup>2</sup> (theo Hợp đồng thuê lại đất số 07/2012/HĐTLĐ-HK ngày 24 tháng 8 năm 2012 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng và Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng khu công nghiệp Đà Nẵng).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Sản xuất mì gói: 53.900 tấn/năm (tương đương 770 triệu gói/năm);

+ Sản xuất cháo gói: 4.555 tấn/năm (tương đương 91,1 triệu gói/năm).

- Quy trình công nghệ:

+ Sản xuất mì gói: Bột mì → Định lượng (nước, phụ gia) → Phối trộn → Cán – cắt sợi → Hấp chín → Quạt ráo → Cắt định lượng → Phun nước lèo → Chiên → Quạt nguội → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Sản xuất cháo gói: Gạo → Pha trộn → Ngâm nước (vo sạch) → Li tâm →



Ủ → Đùn → Nghiền – để nguội → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Chế biến gói bột nêm: Hành lá → Sàng → Rửa (thịt) → Sấy (tiêu, ớt) → Xay → Cân (muối, đường, bột ngọt, hương liệu) → Phối trộn → Đóng gói → Thành phẩm gói nêm.

+ Chế biến gói sa tế: Hành tỏi → Xử lý sơ bộ → Cắt lát - Băm → Cân → Nấu sa tế → Lọc → Đóng gói → Thành phẩm gói sa tế.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Liên Chiểu, UBND phường Hòa Khánh Bắc và các cơ quan chức năng liên quan khác nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.



**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (Mười) năm**

(Từ ngày..... tháng ..... năm 2024 đến ngày ... tháng ... năm 2034)

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành Dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm ăn liền (mỳ gói và cháo gói) của Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng số 782/XNMT-BQL ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Đà Nẵng hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Ươm tạo tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy sản xuất thực phẩm ăn liền” theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố (báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố;
- UBND quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Khánh Bắc;
- Công thông tin điện tử Ban Quản lý;
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng;
- Daizico;
- Trưởng ban Ban Quản lý (báo cáo);
- Lưu: VT, Website, QLMT,KHCN&ƯT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Thái Ngọc Trung**



## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường:

- Nước thải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh để tiếp tục xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Đã thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh và ký kết Hợp đồng tiếp nhận và xử lý nước thải số 58/2020/HĐ/XLNT ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng và Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội – Chi nhánh miền Trung.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ toilet → Đường ống PVC DN100mm, độ dốc  $i = 1\%$  → Bể tự hoại → Hồ ga nội bộ nước thải 900x900x1000mm → Đường ống thu gom uPVC D90mm → Hệ thống xử lý nước thải 60m<sup>3</sup>/ngày đêm → Hồ ga BTCT → Điểm đầu nối nước thải có tọa độ X = 1778467.9, Y = 539202.9 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45' múi chiều 3<sup>0</sup>) đường số 12, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Nước thải vệ sinh tay chân, giặt đồ, nước lau rửa sàn,... → Hồ ga nội bộ nước thải 900x900x1000mm → Đường ống thu gom uPVC D90mm → Hệ thống xử lý nước thải 60m<sup>3</sup>/ngày đêm → Hồ ga BTCT → Điểm đầu nối nước thải có tọa độ X = 1778467.9, Y = 539202.9 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45' múi chiều 3<sup>0</sup>) đường số 12, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Nước thải từ nhà bếp → Bể tách dầu mỡ (V= 1,92m<sup>3</sup>) → Hồ ga nội bộ nước thải 900x900x1000mm → Đường ống thu gom uPVC D90mm → Hệ thống xử lý nước thải 60m<sup>3</sup>/ngày đêm → Hồ ga BTCT → Điểm đầu nối nước thải có tọa độ X = 1778467.9, Y = 539202.9 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45' múi chiều 3<sup>0</sup>) đường số 12, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.



- Nước thải từ công đoạn sản xuất (rửa dụng cụ thiết bị,...) → Bể tách dầu mỡ ( $V= 1,92\text{m}^3$ ) → Hồ ga nội bộ nước thải  $900\times 900\times 1000\text{mm}$  → Đường ống thu gom uPVC D90mm → Hệ thống xử lý nước thải  $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  → Hồ ga BTCT → Điểm đầu nối nước thải có tọa độ  $X = 1778467.9$ ,  $Y = 539202.9$  (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$  múi chiều  $3^{\circ}$ ) đường số 12, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Nước thải vệ sinh nhà xưởng → Hồ ga nội bộ nước thải  $900\times 900\times 1000\text{mm}$  → Đường ống thu gom uPVC D90mm → Hệ thống xử lý nước thải  $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  → Hồ ga BTCT → Điểm đầu nối nước thải có tọa độ  $X = 1778467.9$ ,  $Y = 539202.9$  (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$  múi chiều  $3^{\circ}$ ) đường số 12, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình xả cặn lò hơi, bề dập bụi của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hệ thống xử lý bụi cháo → Hồ ga nội bộ nước thải  $900\times 900\times 1000\text{mm}$  → Đường ống thu gom uPVC D90mm → Hệ thống xử lý nước thải  $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  → Hồ ga BTCT → Điểm đầu nối nước thải có tọa độ  $X = 1778467.9$ ,  $Y = 539202.9$  (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$  múi chiều  $3^{\circ}$ ) đường số 12, Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### a) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ

#### \* Bể tự hoại 03 ngăn

- Vị trí: Văn phòng (1 bể); Khu nhà vệ sinh của xưởng sản xuất (1 bể); Nhà bảo vệ (1 bể).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hồ ga → Đường ống thu gom uPVC D90mm → Hệ thống xử lý nước thải  $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Công suất thiết kế:  $12,67\text{m}^3$  (kích thước  $D\times R\times C = 3,2\text{m}\times 2,2\text{m}\times 1,8\text{m}$ )

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

#### \* Bể tách dầu mỡ

- Vị trí: 01 bể bố trí ngầm tại ngoài khu vực nấu sa tế.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nhà bếp và hoạt động sản xuất) → Bể tách dầu mỡ (3 ngăn) → Hồ ga → Đường ống thu gom uPVC D90mm → Hệ thống xử lý nước thải  $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Công suất thiết kế:  $1,92\text{m}^3$  (kích thước  $L\times B\times H = 2,4\text{m}\times 0,8\text{m}\times 1,0\text{m}$ )

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

### b) Hệ thống xử lý nước thải $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ thu gom và tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể UASB → Bể hiếu khí → Bể hiếu khí kết hợp lắng → Hồ ga → Hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Hòa Khánh → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.



- Công suất thiết kế:  $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Polyme cation (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm đảm bảo đạt chất lượng theo thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghiệp Hòa Khánh).
- Chế độ vận hành: 24/24 giờ

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các công trình xử lý nước thải

- Các công trình xử lý xây dựng kiên cố bằng BTCT, có lớp chống thấm bên trong và bên ngoài bể, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng; tất cả các thiết bị, linh kiện vận hành hệ thống đều có 2 thiết bị (01 vận hành, 01 dự phòng, các thiết bị chạy luân phiên nhau).

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải đúng kỹ thuật, đảm bảo thông tin trong quá trình vận hành, được kết nối thông suốt từ nhân viên vận hành đến bộ phận quản lý; tập huấn cho nhân viên vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống xử lý, thực hiện công việc theo đúng hướng dẫn công việc qui định.

- Trường hợp phát hiện ra bất thường khi vận hành cần thực hiện báo cáo và tìm rõ nguyên nhân, khắc phục sớm để tránh ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống.

- Lập sổ theo dõi quá trình vận hành để ghi chép các hiện tượng, sự cố bất thường và giải pháp xử lý sự cố.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải  $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ , trong trường hợp xảy ra sự cố thực hiện tăng thời gian lưu của các bể thu gom, bể điều hòa. Trường hợp sau 1,0 giờ, nếu vẫn chưa khắc phục, sửa chữa được sự cố hệ thống xử lý nước thải thì thực hiện khóa đường ống dẫn nước thải sau hệ thống xử lý, đồng thời thực hiện hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật và tiến hành khắc phục, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải. Sau khi hệ thống xử lý nước thải được khắc phục, tiến hành vận hành hệ thống xử lý nước thải như bình thường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất  $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

### a) Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Hồ thu gom nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.



- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Đường ống nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Khánh.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 60m<sup>3</sup>/ngày đêm, Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng phải giám sát các thông số ô nhiễm có trong nước thải sau khi được xử lý, đảm bảo đạt yêu cầu các thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả thải vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Hòa Khánh theo Hợp đồng tiếp nhận và xử lý nước thải số 58/2020/HĐ/XLNT ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng và Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội – Chi nhánh miền Trung.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh; công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải theo quy định; Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục b 2.2. Phần B của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.



## Phụ lục 2

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

#### 1. Nguồn phát sinh khí thải

##### \* Nguồn thải có hệ thống xử lý khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi 12 tấn/giờ (sử dụng nhiên liệu đốt biomass).
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ máy nghiền cháo 1 tại phân xưởng sản xuất cháo.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ máy nghiền cháo 2 tại phân xưởng sản xuất cháo.

##### \* Nguồn thải không có hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

##### \* Các nguồn khí khác không phải là khí thải:

- Nguồn số 05: Hơi, nhiệt thừa phát sinh từ quá trình chiên mì dây chuyền 1, 2.
- Nguồn số 06: Hơi, nhiệt thừa phát sinh từ quá trình chiên mì dây chuyền 3.
- Nguồn số 07: Hơi, nhiệt thừa phát sinh từ quá trình hấp mì dây chuyền 1, 2.
- Nguồn số 08: Hơi, nhiệt thừa phát sinh từ quá trình hấp mì dây chuyền 3.

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả thải, lưu lượng xả khí thải lớn nhất, phương thức xả thải

##### 2.1. Dòng khí thải, vị trí xả thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi 12 tấn/giờ (tương ứng với nguồn số 01) có tọa độ vị trí xả thải: X= 1778524.3; Y= 539145.1.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói sau hệ thống xử lý bụi cháo tại phân xưởng cháo (tương ứng với nguồn số 02) có tọa độ vị trí xả thải: X= 1778637.0; Y= 539242.9.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói sau hệ thống xử lý bụi cháo tại phân xưởng cháo (tương ứng với nguồn số 03) có tọa độ vị trí xả thải: X= 1778635.9; Y= 539244.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

Vị trí xả khí thải trong phạm vi đất của cơ sở “Nhà máy sản xuất thực phẩm ăn liền”, Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á châu Đà Nẵng tại đường số 5B, Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

##### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất



- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 16.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục khi hoạt động sản xuất

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ cột B với hệ số  $K_p= 0,9$   $K_v= 1$  cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I Dòng khí thải số 01</b>					
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	180	Không thuộc đối tượng quy định	Không thuộc đối tượng quy định
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	765		
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900		
<b>II Dòng khí thải số 02, 03</b>					
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	180	Không thuộc đối tượng quy định	Không thuộc đối tượng quy định

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01 → Hệ thống xử lý khí thải → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói tương ứng dòng khí thải 01.

- Nguồn số 02 → Hệ thống xử lý bụi cháo 1 → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói tương ứng dòng khí thải 02.

- Nguồn số 03 → Hệ thống xử lý bụi cháo 2 → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói tương ứng dòng khí thải 03.

- Nguồn số 04, 05, 06, 07, 08 → Xả ra ngoài môi trường qua các ống thoát.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

\* Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 12 tấn/giờ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Cyclon lọc bụi → Bể hấp thụ → Ống khói.

- Công suất thiết kế: 16.000 m<sup>3</sup>/giờ



- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất
- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất
- \* Hệ thống xử lý bụi cháo phát sinh từ công đoạn nghiền tại phân xưởng cháo
  - Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi cháo → Quạt hút → Đường ống dẫn bụi D500mm → Tháp dập bụi ướt → Ống khói.
  - Công suất thiết kế: 5.000m<sup>3</sup>/giờ/ 01 hệ thống
  - Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không
  - Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra các hệ thống cấp điện cho quạt hút để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Ban hành và tuân thủ quy trình vận hành các hệ thống xử lý khí thải, xây dựng kịch bản ứng cứu khi có sự cố xảy ra và trang bị kiến thức chuyên môn cho đội ngũ vận hành hệ thống xử lý khí thải.
- Dừng ngay công đoạn sản xuất tại nơi có hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

#### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi cháo 1 phát sinh từ máy nghiền cháo 1 tại phân xưởng sản xuất cháo.
- Hệ thống xử lý bụi cháo 2 phát sinh từ máy nghiền cháo 2 tại phân xưởng sản xuất cháo.

a) Vị trí lấy mẫu: Tại các ống khói sau xử lý của các thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm.

#### b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng phải giám sát các thông số ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và thực hiện đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống, thiết bị xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tương ứng tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

#### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống, thiết bị, công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng tự quyết định nhưng



phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường. Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục b 2.2 Phần B của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu sử dụng để vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Các nguồn thải khác (không phải khí thải) như hơi, nhiệt thừa phát sinh từ quá trình chiên mì, hấp mì dây chuyên 1, 2, 3 và khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải phải đảm bảo yêu cầu môi trường, sử dụng nhiên liệu sạch đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.



**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024  
của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu nhập liệu.
- Nguồn số 02: Khu vực chiên, hấp mì.
- Nguồn số 03: Máy nghiền cháo.
- Nguồn số 04: Máy đùn cháo.
- Nguồn số 05: Nồi nấu chân không của khu vực nấu sa tế.
- Nguồn số 06: Hoạt động của máy thổi khí tại khu vực xử lý nước thải.
- Nguồn số 07: Hoạt động quạt hút hệ thống xử lý khí thải lò hơi 12 tấn/giờ.
- Nguồn số 08: Hoạt động của quạt hút hệ thống xử lý bụi cháo.
- Nguồn số 09: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 10: Hoạt động của hệ thống chiller.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: X= 1778649.8; Y= 540345.1
- Nguồn số 02: X= 1778574.1; Y= 539155.0
- Nguồn số 03: X=1778567.1; Y= 539222.4
- Nguồn số 04: X= 1778624.7; Y= 539244.8
- Nguồn số 05: X= 1778571.9; Y= 539229.4
- Nguồn số 06: X= 1778483.7; Y= 539200.8
- Nguồn số 07: X= 1778528.4; Y= 539143.4
- Nguồn số 08: X= 1778634.3; Y= 539242.6
- Nguồn số 09: X= 1778609.6; Y= 539204.2
- Nguồn số 10: X= 1778580.9; Y= 539231.8

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và**  
**QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN**  
**27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn**



TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	160
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	12
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	20
4	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	50
5	Hộp mực in	08 02 04	Rắn	10
6	Pin, Ắc quy thải	19 06 01	Rắn	5
7	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Lỏng	10
8	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	Rắn	150
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>417</b>

Đối với chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát thực hiện phân định, phân loại theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (không bao gồm các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường được phép tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất, có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được quản lý như đối với sản phẩm, hàng hóa)

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì carton (tái chế và không tái chế)	18 01 05	2.400
2	Thành phẩm, gia vị, phế phẩm: Mì vụn, bột mì, sản phẩm không đạt chất lượng	-	1.800
3	Bột, căn cháo, sản phẩm không đạt chất lượng	-	180
4	Bao bì nylon	18 01 06	1.200



5	Băng keo, nhãn mác hư hỏng	-	600
6	Bùn thải từ hệ thống XLNT	12 06 10	1.800
7	Tro xỉ đốt lò hơi	04 02 06	12.000
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>19.980</b>

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (m <sup>3</sup> /năm)
1	Dầu mỡ, cặn dầu thải	12 06 11	6
2	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 13	24
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>30</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 31,2 tấn/năm

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa dung tích 30 lít, 50 lít, 120 lít, 240 lít có nắp đậy kín, được lưu chứa riêng biệt, dán nhãn, phân loại mã chất thải nguy hại và đáp ứng yêu cầu tại khoản 4, 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

b) Kho lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa: 3,75m<sup>2</sup> (gần khu vực xử lý nước thải, bên cạnh khu tập kết chất thải rắn thông thường)

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Mái che bằng tôn; Nền bê tông cốt thép đảm bảo không rạn nứt, không thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; Tường xây gạch kín gió; Rãnh thu gom nước rỉ; Cửa kho 1 cánh; Bên trong kho có bố trí gờ chống tràn; Cửa kho dán logo cảnh báo chất thải nguy hại và nội quy kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thiết bị lưu chứa: Bao nilong, can chứa 20 lít, thùng chứa 240 lít

b) Khu vực lưu chứa

- Diện tích khu vực lưu chứa: Đối với khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 15m<sup>2</sup> (gần khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu



chứa chung chất thải rắn sinh hoạt); khu vực lưu chứa tro xỉ lò hơi và bùn khô sau máy ép bùn của hệ thống xử lý nước thải với diện tích 15m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mái che bằng tôn; Nền bê tông cốt thép, không rạn nứt, không thấm thấu; Có gờ chắn cao 300mm so với mặt đường xung quanh và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; Tường bằng gạch.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy loại 10-20 lít, 120 lít và 240 lít tại khu văn phòng làm việc, bên trong và bên ngoài nhà xưởng, khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

#### b) Khu vực lưu chứa

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15m<sup>2</sup> (gần khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chung chất thải rắn công nghiệp thông thường)

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mái che bằng tôn; Nền bê tông cốt thép, không rạn nứt, không thấm thấu; Có gờ chắn cao 300mm so với mặt đường xung quanh và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; Tường bằng gạch.

### 2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất, các công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm ăn liền (mì gói và cháo gói) của Công ty Cổ phần Thực phẩm Á Châu địa điểm đường số 5B, Khu Thanh Vinh, Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; không còn hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; Thực hiện lưu giữ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất thực phẩm ăn liền” đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện và các tài liệu liên quan khác để cơ quan có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

3. Thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu Đà Nẵng hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp phường/xã nơi thực hiện, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường,



chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh tại Phụ lục 4 (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường) hoặc đột xuất; báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và gửi đến các cơ quan sau đây: Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Liên Chiểu, Công ty Khai thác và phát triển hạ tầng khu công nghiệp Đà Nẵng trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo. Hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường và phương thức gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

